

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 5 - Đợt 1

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 06 – 07/5/2024

Ngày cung cấp TT: 08/5/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công mở.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công mở.
7	7	Công Cô Đàm	Công mở hé.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.
12	19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Công đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Công Như Trác, Đập An Bài (sông Châu Giang).

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Công Hữu Bị, Công Cốc Thành, Công Sông Chanh, Công Nhâm Tràng, Công Kinh Thanh, Công Cổ Đàm, Đầu kênh T3, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh) .

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Công Vĩnh Trị, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đầu kênh T6.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên,** Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 57%, gió TB 17 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	6.89	10.1	6.16	0.2	0.435	0.266	301	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 52%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm. Cống mở tiêu nước từ nội đồng ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.87	18.9	5.76	0.2	0.614	0.608	347	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 36%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở tiêu nước từ nội đồng ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.81	25.7	5.34	0.3	0.505	0.630	396	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 28%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm từ nội đồng ra ngoài sông, cống mở. Nước màu vàng lục.	7.03	33.3	5.2	0.4	0.645	0.698	499	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
5	Cống Nhâm Trảng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho	Trời mát, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 79%, gió ĐB 11 km/h. Không có dòng chảy,	7.24	16.3	5.26	0.3	0.831	0.155	465	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	công đồng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								B
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời mát, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 79%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa, công mở tiêu nước từ nội đồng ra ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động.	7.24	30.7	5.47	0.3	1.368	0.675	425	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
7	Cổng Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 79%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm, công mở hé, nước từ nội đồng chảy ra	7.26	20.6	5.34	0.3	1.103	0.279	437	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			ngoài sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.								
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 42%, gió TB 14 km/h. Dòng chảy chậm. Cổng mở tiêu nước từ nội đồng ra sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.91	25	4.69	0.3	0.606	0.608	407	Chi tiêu quan trắc hiện DO không đạt mức B.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 36%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6.78	8	5.07	0.3	0.591	0.720	418	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 36%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6.79	18.6	4.81	0.4	0.824	2.993	599	Chỉ tiêu quan trắc hiện DO không đạt mức B.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 42%, gió TB 14 km/h. Dòng chảy chậm từ phía An Bài về hướng Vĩnh Trị. Nước màu vàng lục.	6.98	29.7	4.73	0.3	0.521	0.473	423	Chỉ tiêu quan trắc hiện DO không đạt mức B.
12	Đập An Bài (sông Châu)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết	Trời nắng nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 58%, mật độ mây 69%, gió TB 17 km/h.	6.9	21.5	6.3	0.2	0.622	0.698	340	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Giang)	hợp cho Huyện Bình Lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước sông Sắt cao hơn sông Châu Giang. Nước màu vàng lục.								không đạt mức A.
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 57%, gió TB 17 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang. Cống mở. Nước màu vàng đục.	6.88	85.3	3.91	0.2	2.253	2.903	348	Chi tiêu quan trắc hiện DO không đạt mức C
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 45%, gió TB 16 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	6.7	20.2	5.43	0.2	0.707	0.563	304	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
15	Đầu kênh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 42%, gió	6.5	27.7	3.64	0.3	2.308	3.038	399	Chi tiêu quan trắc hiện DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	S48	nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	TB 14 km/h. Dòng chảy chậm từ nội đồng ra ngã ba. Nước màu vàng xám.								không đạt mức C.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 57%, gió TB 17 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước thấp. Nước màu vàng lục, có nước rỉ qua cánh cống.	6.7	63.7	5.2	0.2	0.894	0.585	301	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng nóng, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 58%, mật độ mây 69%, gió TB 17 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Nước màu vàng lục.	6.92	20.6	5.02	0.2	0.668	0.698	356	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Cầu Yên	Đánh giá nhanh chất lượng nước	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 66%,	7	20.7	5.5	0.3	0.754	0.495	404	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Trung (kênh Kinh Thủy)	hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	mật độ mây 53%, gió ĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam. Nước màu vàng lục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 36%, gió TB 16 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng. Nước màu vàng lục.	6.82	24.2	5.01	0.2	0.583	0.675	369	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 50%, gió TB 12 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	6.8	17.3	4.17	0.3	0.591	0.293	418	Chỉ tiêu quan trắc hiện DO không đạt mức B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

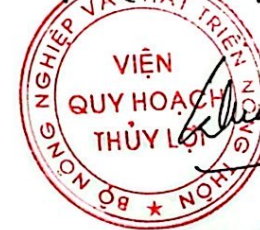
QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Chai Gia Khánh